

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/DS-ST

Ngày: 21 – 8 – 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trương Anh Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Ông Sơn Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.**

Địa chỉ: Số B đường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Mã Hà Bửu N** - Trưởng Phòng giao dịch huyện C (theo Quyết định ủy quyền số: 3525/2023/QĐ-PL, ngày 25-12-2023). (Có mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ A, ấp T, thị trấn C, huyện C, Tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn: Ông Bùi Văn D**, sinh năm: 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, Thị Trấn H, M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mã Hà Bửu N trình bày:

Ngày 03-08-2022, ông Bùi Văn D có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
VISA	970403 - 1899	30.000.000	03/08/2022	31.2%/năm 2.6%/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Bùi Văn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Bùi Văn D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Bùi Văn D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.540.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Bùi Văn D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Bùi Văn D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 20/8/2024 là **45.091.803** đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Bùi Văn D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Bùi Văn D trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 20/8/2024 là **45.091.803** đồng. Cụ thể:

Loại thẻ	Số thẻ	Gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
VISA	970403 - 1899	32.537.082 đồng	12.554.721 đồng	4.15% (2.6% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Bùi Văn D yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Bùi Văn D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Bùi Văn D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2024 là 45.091.803 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi một nghìn, tám trăm linh ba đồng*) trong đó: Vốn gốc: 32.537.082 đồng, Lãi quá hạn: 12.554.721 đồng và ông D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Bùi Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Bùi Văn D theo địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký kết tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên ông Bùi Văn D từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc ông Bùi Văn D từ chối nhận văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng ngày 03/8/2022 thể hiện ông Bùi Văn D có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 30.000.000 đồng với loại thẻ Visa, số thẻ 970403 - 1899, ngày ký 03/08/2022, lãi suất 2,6%/tháng (31,2%/năm). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng). Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Bùi Văn D đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết là không thực hiện trả vốn, lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Bùi Văn D trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi gồm: Thẻ tín dụng loại thẻ Visa, số thẻ 970403 – 1899 tính đến ngày 20/8/2024 là 45.091.803 đồng (Bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi một nghìn, tám trăm linh ba đồng); trong đó: Vốn gốc: 32.537.082 đồng, L quá hạn: 12.554.721 đồng. Đồng thời buộc ông D còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho ông Bùi Văn D theo đúng địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Tuy nhiên, ông Bùi Văn D đã từ chối nhận các văn bản nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc ông Bùi Văn D từ chối nhận văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Bùi Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Văn D.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng ngày 03/8/2022 thể hiện ông Bùi Văn D có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP S (S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 30.000.000 đồng với gồm: Loại thẻ Visa, số thẻ 970403 - 1899, ngày ký 03/08/2022, lãi suất 2,6%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân, Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Bùi Văn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

[3] Xét thấy, ông Bùi Văn D đã thụ hưởng quyền lợi là sử dụng số tiền vay từ thẻ tín dụng của Ngân hàng là 29.000.000 đồng, sau đó ông D có thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 10.540.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm) thì ngưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã vi phạm Điều 18, Điều 19 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Vì ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) với số tiền nợ gốc là 32.537.082 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Theo bảng tóm tắt sao kê thẻ tín dụng số 970403 – 1899 của ông Bùi Văn D mà Ngân hàng cung cấp thể hiện số tiền ông Bùi Văn D còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 20/8/2024 là 45.091.803 đồng (Bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi một nghìn, tám trăm linh ba đồng); trong đó: Vốn gốc: 32.537.082 đồng, L quá hạn: 12.554.721 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Bùi Văn D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn

lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 20/8/2024 là 45.091.803 đồng (Bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi một nghìn, tám trăm linh ba đồng) và yêu cầu ông D trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Ông Bùi Văn D phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 117; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Bùi Văn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn lãi của Thẻ tín dụng Visa, số thẻ 970403-1899 tính đến ngày 20/8/2024 là 45.091.803 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi một nghìn, tám trăm linh ba đồng*); trong đó: Vốn gốc: 32.537.082 đồng (*Ba mươi hai triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*), L quá hạn: 12.554.721 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng*).

Kể từ ngày 21/8/2024 cho đến khi ông Bùi Văn D thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì hàng tháng ông Bùi Văn D còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 03/8/2022.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.008.000 đồng (*Một triệu, không trăm linh tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003578, ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2.2/ Ông Bùi Văn D phải chịu số tiền án phí là 2.254.590 đồng (*Hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm chín mươi đồng*).

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

